TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 – QUẢNG NGÃI** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2025/HS-ST.
Ngày: 16/9/2025.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vũ Minh Tuấn.

2. Ông Nguyễn Văn Huynh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Trịnh Diệu Linh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 – Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 –Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Phan Minh Cường và ông Nguyễn Thanh X - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 –Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 15/2025/TLST-HS ngày 19 tháng 8 năm 2025 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2025/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 9 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Chu, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1973 tại tỉnh Gia Lai; số căn cước công dân 064073007605; nơi cư trú: Làng T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai (Nay là xã Đ, tỉnh Gia Lai); nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 03/12; dân tộc: Ba Na; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông H N, sinh năm 1938 và bà C (C1), sinh năm 1945 (đã chết); bị cáo có vợ là Đoàn Thị H (đã ly hôn) có 01 con chung sinh năm 2001; Bị cáo chung sống như vợ chồng với Y G có một con chung sinh năm 2007. Tiền sự: Không.

Tiền án: 03 tiền án.

- Ngày 16/11/2012 bị Tòa án nhân dân huyện Kon Rẫy xử phạt 24 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo bản án số 20/2012/HS-ST (chưa được xóa án tích).

- Ngày 06/5/2013 bị Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum xử phạt 02 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo bản án số 46/2013/HS-ST (chưa được xóa án tích).

- Ngày 30/9/2020 bị Tòa án nhân dân huyện Kon Rẫy xử phạt 05 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo bản án số 12/2020/HS-ST. Đến ngày 14/11/2024 chấp hành xong hình phạt đến ngày phạm tội mới chưa được xóa án tích.

* Nhân thân:

- Ngày 04/12/1993 bị Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xử phạt 07 (bảy) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" và tội "Trốn khỏi nơi giam giữ" theo bản án số 103/1993/HS-ST (đã xóa án tích).

- Ngày 19/8/2005 bị Tòa án nhân dân huyện Mang Yang xử phạt 12 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo bản án số 12/2005/HS-ST (đã xóa án tích).

- Ngày 29/3/2011 bị Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum xử phạt 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo bản án số 24/2011/H-SST (đã xóa án tích).

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/5/2025 đến nay có mặt tại phiên tòa.

2. A B (tên gọi khác: Không); Sinh ngày 01 tháng 01 năm 1973 tỉnh Kon Tum (nay là tỉnh Quảng Ngãi); số căn cước công dân: 064073005565; nơi cư trú: Làng B, xã N, huyện C, Gia Lai (Nay là xã B, tỉnh Gia Lai); nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 03/12; dân tộc: Gia Rai; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông A K (đã chết) và Y K1 (đã chết); Có vợ là Rơ Châm V, sinh năm 1981 (đã ly hôn) và có 02 con chung, con lơn sinh năm 1998, con nhỏ sinh năm 200; Hiện nay chung sống như vợ chồng với Puih N1, sinh năm 1983 và có 02 con chung, con lớn sinh năm 2011, cón nhỏ năm 2020. Tiền sự: Không.

Tiền án: 01 tiền án. Ngày 16/12/2010 bị Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xử phạt 11 năm tù về tội "Giết người" theo bản án hình sự sơ thẩm số 55/2010/HS-ST (Chưa được xóa án tích).

* Nhân thân:

- Ngày 25/8/1990 có hành vi cưỡng bức lao động bị Ủy ban nhân dân tỉnh G – Kon Tum ra quyết định cải tạo tập trung 02 năm;

- Ngày 03/10/1994 bị Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum xử phạt 04 năm tù theo về tội "Trộm cắp tài sản" theo bản án số 18/1994/HS-ST (đã xóa án tích).

- Ngày 17/6/1999 bị Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum xử phạt 02 năm 6 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo bản án số 24/1999/HS-ST (đã xóa án tích)

- Ngày 29/05/2002 bị Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xử phạt 02 năm 6 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo bản án số 37/2002/HSPT (đã xóa án tích)

- Ngày 07/5/2006 bị Ủy ban nhân dân tỉnh G áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng;

- Ngày 30/9/2020 bị Tòa án nhân dân huyện Kon Rẫy xử phạt 30 tháng tù theo về tội "Trộm cắp tài sản" bản án số 12/2020/HS-ST. Ngày 18/9/2022, A B chấp hành xong án phạt tù về địa phương sinh sống đến ngày phạm tội mới đã xóa án tích.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/5/2025 đến nay có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1976. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Nơi cư trú: Tổ dân phố B, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum (Nay là xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Anh Nguyễn Minh H1, sinh năm 2005. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Nơi cư trú: Tổ dân phố B, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum (Nay là xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 05 giờ 00 phút ngày 14/05/2025, khi C2 đang ở nhà A B thì C2 rủ A B đi tìm kiếm tài sản để trộm cắp thì A B đồng ý. Sau đó, A B điều khiển xe mô tô gắn biển kiểm soát: 28S7-1336 chở C2 đi lên hướng huyện Đ, tỉnh Kon Tum cũ để tìm tài sản trộm cắp. Đến khoảng 09 giờ 00 phút cùng ngày, khi đi đến tỉnh lộ 671 thuộc thôn G, xã N, huyện Đ, tỉnh Kon Tum (nay là xã N, tỉnh Quảng Ngãi), A B dừng xe nói Chu "qua đường bê tông coi thấy cái gì lấy cái đó". Sau đó A B quay đầu xe dừng phía ngoài cảnh giới, còn C2 xuống xe đi bộ vào đoạn đường bê tông thì nhìn thấy 02 (hai) chiếc xe mô tô có chìa khóa cắm sẵn đang dựng sát cạnh rẫy cà phê không có người trông coi. Chu đi đến dắt 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát: 82B2-07867 của anh Nguyễn Văn T hướng ra đường nhựa khoảng 10 *(mười)* mét rồi bật chìa khóa xe, nổ máy điều khiển chiếc xe mô tô vừa trộm cắp được đi ra hướng tỉnh lộ 671. Thấy C2 đã lấy trộm được xe mô tô, A B điều khiển xe mô tô gắn biển kiểm soát: 28S7-1336 đi trước, còn C2 điều khiển xe mô tô biển kiểm soát: 82B2- 07867 theo sau đi về hướng thành phố K (nay là phường K) tìm người mua để bán lấy tiền tiêu xài chung nhưng chưa tìm được ai. Đến sáng ngày 17/5/2025, khi C2 đang điều khiển xe mô tô biển kiểm soát: 82B2- 07867 trên đường thì bị Cơ quan Công an phát hiện mời về trụ sở làm việc, A B và C2 đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp nêu trên.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 12/KL-HĐĐG ngày 21/05/2025 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng Hình sự huyện Đ kết luận: Tổng giá trị của 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 82B2- 07867 tại thời điểm bị chiếm đoạt là 9.100.000 đồng *(Chín triệu một trăm nghìn đồng).*

Tại Bản Cáo trạng số 06/CT-VKSKV9 ngày 18/8/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Quảng Ngãi đã truy tố bị cáo C2 về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự và truy tố bị cáo A B về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và nội dụng cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Quảng Ngãi; các bị cáo không ý kiến gì về các hoạt động tố tụng.

Qua tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Quảng Ngãi giữ nguyên cáo trạng và quyết định truy tố đối với các bị cáo C2 và A B đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo C2 và A B phạm tội *"Trộm cắp tài sản"* và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo C2 từ 36 đến 42 tháng tù.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo A B từ 18 đến 24 tháng tù.

- Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo làm nông, có thu nhập không ổn định và hiện đang bị tạm giam nên không áp dụng hình phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Về xử lý vật chứng:

+ Đề nghị trả lại cho ông Nguyễn Văn T 01 *(một)* xe mô tô biển kiểm soát: 82B2-07867; nhãn hiệu HONDA; số loại BLADE; số máy: JA36E1082523; số khung: RLHJA3683NY007100; màu sơn: Đen + xám, xe đã qua sử dụng và 01 *(một)* bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số: 82022259; biển số đăng ký 82B2-07867; mang tên Nguyễn Minh H1, trú tại: tổ dân phố B, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum.

+ Đề nghị tịch thu, sung quỹ nhà nước đối với 01 *(một)* xe mô tô nhãn hiệu LIFAN; kiểu dáng Dream; số máy: VMT1P50FMG300002083; số khung: VMTPCG0022V000083; màu sơn: Tím nho, không có yếm chắn gió phía trước của hai bên, xe đã qua sử dụng.

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) biển kiểm soát 28S7-1336 được gắn trên xe nhãn hiệu LIFAN; kiểu dáng Dream nói trên.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bồi thường gì nên không xem xét ngoài ra các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Các bị cáo đều nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì nên hợp pháp.

Đối với sự vắng mặt của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Xét thấy, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đều có đơn xin xét xử vắng mặt, việc vắng mặt họ không gây trở ngại cho việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về nội dung vụ án: Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, Biên bản khám nghiệm hiện trường và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở pháp lý kết luận:

Khoảng 05 giờ 00 phút, ngày 14/5/2025, bị cáo C2 đã rủ bị cáo A B đi tìm kiếm tài sản để trộm cắp bán lấy tiền tiêu xài cá nhân thì được A B1 đồng ý. Đến khoảng

09 giờ 00 phút cùng ngày, tại khu vực rẫy cà phê thuộc xã N, huyện Đ, tỉnh Kon Tum (nay là xã N, tỉnh Quảng Ngãi) lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản các bị cáo C2 và A B1 đã lét lút, lấy trộm 01 xe mô tô biển kiểm soát 82B2-07867 của anh Nguyễn Văn T đang dựng tại khu vực rẫy cà phê, tài sản các bị cáo trộm cắp có trị giá theo kết luận định giá là 9.100.000 đồng *(Chín triệu một trăm nghìn đồng)*. Hành vi nói trên của các bị cáo C2 và A B đã phạm vào tội "*Trộm cắp tài sản"* tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo C2 vào ngày 30/9/2020 bị Tòa án nhân dân huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum xử phạt 05 năm tù về tội "Trộm cắp tài" theo điểm g *(Tái phạm nguy hiểm)* khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự, đến ngày 14/11/2024 chấp hành xong hình phạt nhưng chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội mới. Vì vậy, hành vi phạm tội lần này của bị cáo C2 tiếp tục thuộc trường hợp "Tái phạm nguy hiểm" tội phạm và hình phạt quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Do đó, Cáo trạng số 06/CT-VKSKV9 ngày 18/8/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Quảng Ngãi đã truy tố bị cáo C2 về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự và truy tố bị cáo A B về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo:

Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, cố ý xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương. Khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân mà các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Hành vi phạm tội của các bị cáo còn có tính chất đồng phạm giản đơn. Trong đó, bị cáo C2 với vai trò là người khởi xướng, rủ rê và trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo A B tham gia với vai trò người giúp sức. Vì vậy, cần phải xem xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội và vai trò của từng bị cáo để xử phạt các bị cáo một mức án nghiêm minh, tương xứng với tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của từng bị cáo trong vụ án.

[4] Về nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về nhân thân: Các bị cáo được xác định là những người có nhân thân đặc biệt xấu, đã nhiều lần bị kết án về tội "*Trộm cắp tài sản*" và tội phạm khác nhưng không lấy đó làm bài học cho bản thân mà vẫn tiếp tục phạm tội.

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo C2 không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Đối với bị cáo A B ngày 16/12/2010 bị Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xử phạt 11 năm tù về tội "Giết người" theo bản án hình sự sơ thẩm số 55/2010/HS-ST và tại bản án hình sự sơ thẩm số 12/2020/HS-ST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum, bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng "Tái phạm". Tuy nhiên, bản án số 12/2020/HS-ST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum bị cáo đã được xóa án tích theo quy định tại Điều 70 Bộ luật Hình sự nhưng bản án số 55/2010/HS-ST ngày 16/12/2010 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai bị cáo chưa được xóa án tích theo quy định tại Điều 70,

Điều 73 Bộ luật Hình sự nên lần phạm tội này tiếp tục thuộc trường hợp "Tái phạm" là tình tiết tăng nặng quy đinh tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo nhiều lần bị kết án về tội "Trộm cắp tài sản" điều này thể hiện các bị cáo không có sự ăn năn hối cải. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình nên cần áp dụng cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo làm nông, có thu nhập không ổn định và hiện đang bị tạm giam nên không áp dụng hình phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng:

Đối với xe mô tô biển kiểm soát 82B2-07867 là do anh Nguyễn Minh H1 đứng tên trong Giấy chứng nhận đăng ký xe. Tuy nhiên, do đi học xa nên anh Nguyễn Minh H1 giao lại xe cho bố anh là ông Nguyễn Văn T quản lý, sử dụng. Tại thời điểm bị trộm cắp xe mô tô biển kiểm soát 82B2-07867 đang do ông Nguyễn Văn T quản lý, sử dụng và anh H1 cũng đề nghị trả lại xe và giấy chứng nhận đăng ký xe cho bố anh quản lý, sử dụng. Vì vậy, trả lại cho ông Nguyễn Văn T 01 *(một)* xe mô tô biển kiểm soát: 82B2-07867 nhãn hiệu HONDA; số loại BLADE; số máy: JA36E1082523; số khung: RLHJA3683NY007100; màu sơn: Đen + xám, xe đã qua sử dụng và 01 *(một)* bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số: 82022259; biển số đăng ký 82B2-07867 mang tên Nguyễn Minh H1, trú tại: tổ dân phố B, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu LIFAN; kiểu dáng Dream; số máy: VMT1P50FMG300002083; số khung: VMTPCG0022V000083; màu sơn: Tím nho, xe đã qua sử dụng (không có biển số). Theo kết quả xác minh xe có biển số là 81H1-1814 dăng ký ngày 17/11/2002, chủ xe Trần Minh P, sinh năm 1976 nhưng anh P cho rằng xe đã cũ và đã bán nên không có yêu cầu gì. Bị cáo A B khai mua lại của một người bán phê liệu với giá 700.000 đồng, sau đó A B nhặt được biển kiểm soát 28S7-1336 nên gắn vào xe. Ngày 14/5/2025, bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội, xét thấy xe mô tô nói trên là phương tiện phạm tội, không có giấy tờ hợp pháp, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

Đối với 01 (một) biển kiểm soát 28S7-1336 là do bị cáo A B nhặt được gắn vào xe của mình. Theo kết quả xác minh và tra cứu biển kiểm soát 28S7-1336 do anh Bùi Văn H2, sinh năm 1987 (Hòa Bình) đứng tên đăng ký lần đầu 2010, năm 2021 anh H2 đã bán xe. Xét thấy, biển kiểm soát 28S7-1336 là vật chứng của vụ án nhưng có giá trị không đáng kể nên tịch thu tiêu hủy.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Nguyễn Văn T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Minh H1 không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì về dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Bị cáo A B phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Riêng bị cáo C2 là người đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống ở thôn, xã có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 612/QĐ-UBDT ngày

16/9/2021 của Ủy ban Dân tộc và bị cáo có đơn xin được miễn án phí nên miễn án phí cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo C2 và A B phạm tội *"Trộm cắp tài sản".*

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

- Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo **C2** 03 *(Ba)* năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 17/5/2025.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo **A B** 20 *(Hai mươi)* tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 17/5/2025.

3. Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

- Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu LIFAN; kiểu dáng Dream; số máy: VMT1P50FMG300002083; số khung: VMTPCG0022V000083; màu sơn: Tím nho, không có yếm chắn gió phía trước của hai bên, xe đã qua sử dụng (hiện xe không có biển số hợp pháp).

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) biển kiểm soát 28S7-1336 được gắn trên xe nhãn hiệu LIFAN; kiểu dáng Dream nói trên.

- Trả lại cho ông Nguyễn Văn T 01 *(một)* xe mô tô biển kiểm soát: 82B2-07867 nhãn hiệu HONDA; số loại BLADE; số máy: JA36E1082523; số khung: RLHJA3683NY007100; màu sơn: Đen + xám, xe đã qua sử dụng và 01 *(một)* bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số: 82022259; biển số đăng ký 82B2-07867 mang tên Nguyễn Minh H1, trú tại: tổ dân phố B, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum.

(Các vật chứng, đồ vật nêu trên có đặc điểm theo như các biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 04 tháng 9 năm 2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9 – tỉnh Quảng Ngãi).

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 6; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo A B phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo C2 được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (16/9/2025) các bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm. Riêng bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND khu vực 9 – Quảng Ngãi;
- Cơ quan CSĐT CA tỉnh Quảng Ngãi;
- Trại tạm giam số 2 CA tỉnh Quảng Ngãi;
- Phòng THADS KV 9 – Quảng Ngãi ;
- Bị cáo và các đương sự;
- Sơ Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hữu Tiến

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Hữu Tiến